

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC SOẠN THẢO, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

• **ThS. NGUYỄN HUY BẰNG - Luật gia LÊ THỊ NGÁT**
Bộ Giáo dục và Đào tạo

I/ Đặt vấn đề

Hiến pháp 1992 đã ghi rõ: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa” (Điều 12). Muốn quản lý xã hội bằng pháp luật thì trước hết cần có hệ thống pháp luật đầy đủ, có chất lượng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Giáo dục là một lĩnh vực rộng lớn liên quan đến nhiều chủ thể pháp luật khác nhau. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) đồng bộ, có chất lượng để điều chỉnh các quan hệ về giáo dục là nhiệm vụ vừa cơ bản, vừa thường xuyên của nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đó Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) có vai trò trực tiếp và hết sức quan trọng.

Theo quy định của pháp luật, Bộ GD-ĐT có nhiệm vụ và quyền hạn về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật như sau:

- Trình Chính phủ dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định của Chính phủ theo yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ;
- Tổ chức soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh, các dự thảo nghị quyết, nghị định, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ theo sự phân công để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành hoặc trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành;

- Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ ;

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị- xã hội ban hành thông tư liên tịch hoặc nghị quyết liên tịch.

Như vậy, trong lĩnh vực xây dựng pháp luật, Bộ GD-ĐT vừa có nhiệm vụ đề xuất dự kiến chương trình, vừa có nhiệm vụ

soạn thảo các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên, vừa ban hành và phối hợp ban hành theo thẩm quyền các văn bản QPPL về giáo dục. Thời gian vừa qua, Bộ đã có nhiều cố gắng trong việc soạn thảo, ban hành văn bản QPPL về giáo dục song so với yêu cầu của việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay thì công tác này của Bộ còn nhiều bất cập.

Bài viết này phân tích thực trạng công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ GD-ĐT, từ đó đề xuất hệ thống giải pháp có tính tổng thể để nâng cao chất lượng công tác quan trọng này theo chức năng, nhiệm vụ mà Bộ GD-ĐT được giao.

II/ Thực trạng công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ GD-ĐT từ đầu năm 1999 đến hết năm 2005

1. Những kết quả đã đạt được

a) Về số lượng, chất lượng văn bản

- Về số lượng: từ đầu năm 1999 (thời điểm sau khi Luật Giáo dục năm 1998 được ban hành) đến hết năm 2005 (thời điểm Luật Giáo dục 2005 chuẩn bị có hiệu lực), các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành và phối hợp ban hành được 485 văn bản QPPL về giáo dục, trong đó có 1 luật, 3 nghị quyết của Quốc hội, 17 văn bản của Chính phủ, 125 văn bản của Thủ tướng Chính phủ, 298 văn bản của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT, 41 văn bản liên tịch giữa Bộ GD-ĐT với các bộ, ngành liên quan.

Như vậy, bình quân mỗi năm có khoảng 70 văn bản QPPL về giáo dục được ban hành. So

Số văn bản này chia theo năm ban hành theo bảng sau:

<i>Năm ban hành</i>	1999	2000	2001	2002	2002	2004	2005
<i>Số lượng</i>	69	62	78	60	79	59	78

với các lĩnh vực khác thì số văn bản QPPL về giáo dục là tương đối lớn, trong đó đại đa số là

văn bản dưới luật.

- Về chất lượng văn bản: sau khi Luật Giáo dục 1998 được ban hành, hệ thống văn bản QPPL về giáo dục đã được hoàn thiện một bước quan trọng bao gồm các quy định về tổ chức nhà trường, về tổ chức hoạt động giáo dục, về thi và cấp văn bằng, về chương trình giáo dục, về cán bộ, nhà giáo, về chế độ chính sách, về hợp tác quốc tế... Các quy định này đã tạo khung pháp lý tương đối đồng bộ góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lí nhà nước bằng pháp luật trong lĩnh vực giáo dục.

b) *Về tổ chức và cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản QPPL*

- Về tổ chức: các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng được Bộ trưởng giao chủ trì soạn thảo từng văn bản theo kế hoạch hàng năm hoặc khi có yêu cầu của các cơ quan cấp trên. Năm 2003 Vụ Pháp chế được thành lập có chức năng "giúp Bộ trưởng tổ chức công tác xây dựng hệ thống văn bản QPPL về giáo dục và đào tạo". Thực hiện Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và doanh nghiệp nhà nước, Bộ đã chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo, các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp trực thuộc Bộ thành lập bộ phận hoặc cử cán bộ làm công tác pháp chế. Tính đến tháng 10/2005 đã có 35 sở GD-ĐT, 124 trường đại học, cao đẳng và 5 đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ đã có tổ chức pháp chế hoặc cán bộ kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.

- Về cán bộ:

+ Cán bộ của Vụ Pháp chế: sau khi thành lập, Vụ đã được bổ sung đội ngũ cán bộ từ nhiều nguồn khác nhau. Hiện nay, Vụ có 9 cán bộ trong đó có 1 PGS- TS luật học, 3 thạc sĩ luật học, 5 cử nhân luật (5 cán bộ có 2 bằng đại học).

+ Cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản QPPL của các đơn vị thuộc Bộ: có 105 cán bộ đã trực tiếp soạn thảo văn bản QPPL (chiếm tỉ lệ 47,7% tổng số cán bộ, công chức của các đơn vị này). Hầu hết các cán bộ đã có quá trình công tác và kinh nghiệm trong ngành giáo dục (bình quân 20,9 năm). Có người đã trực tiếp soạn thảo tới 12 văn bản QPPL, một số chuyên gia hiểu biết sâu sắc về giáo dục đồng thời có khả năng soạn thảo văn bản tốt.

2. Hạn chế, bất cập

a) *Đối với hệ thống văn bản QPPL*: tuy đã được hoàn thiện một bước quan trọng song hệ thống văn bản QPPL về giáo dục vẫn còn hạn chế, bất cập với một số biểu hiện cơ bản sau:

- Tính toàn diện: hệ thống văn bản còn mất cân đối (nếu lĩnh vực giáo dục đại học có 165 văn bản thì giáo dục chuyên nghiệp chỉ có 13 văn bản, giáo dục mầm non chỉ có 6 văn bản; quy định pháp luật ở một số lĩnh vực quan trọng như hợp tác quốc tế, xử lí vi phạm pháp luật về giáo dục còn thiếu và yếu...);

- Tính đồng bộ: một số văn bản hướng dẫn thực hiện văn bản của cấp trên chậm được ban hành dẫn đến một số vấn đề đã được quy định nhưng thiếu cơ chế thực hiện. Có khi cùng một vấn đề lại được quy định khác nhau trong các văn bản gây khó khăn cho việc áp dụng (như vấn đề sử dụng kết quả đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên, mức phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ lãnh đạo...).

- Tính phù hợp: một số văn bản đã lạc hậu nhưng chưa được kịp thời thay thế, một số vấn đề mới tuy đã có chủ trương nhưng rất chậm được thể chế hoá (ví dụ như vấn đề chế độ, chính sách đối với người học, vấn đề tăng quyền tự chủ cho cơ sở, vấn đề về định mức giáo viên, vấn đề quản lí du học...). Một số văn bản sau khi ban hành đã phải thu hồi hoặc huỷ bỏ vì trái với quy định của văn bản của cấp trên.

- Kỹ thuật lập pháp: nhiều quy định còn mang tính nguyên tắc, không cụ thể; có trường hợp còn lúng túng, không rõ ràng giữa việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật hay văn bản cá biệt; thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản còn nhiều sai sót; nội dung một số công văn còn chứa QPPL. Đa đa số văn bản là dưới luật, hiệu lực pháp lí không cao.

b) *Về công tác soạn thảo, ban hành*: tiến độ soạn thảo văn bản nói chung còn chậm (có văn bản trong kế hoạch hướng dẫn Luật Giáo dục năm 1998 mà đến khi Luật Giáo dục năm 2005 ra đời vẫn chưa ban hành được). Hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong và ngoài Bộ còn hạn chế. Quy trình soạn thảo có khi chưa được thực hiện nghiêm túc, nhất là đối với các văn bản liên tịch, các văn bản trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Chưa huy động được sự tham gia trực tiếp của đông đảo các nhà khoa học, các nhà quản lí vào quá trình xây dựng văn bản.

3. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

Có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng và tiến độ soạn thảo, ban hành văn bản QPPL trong đó chủ yếu là các nguyên nhân sau:

a) *Về nhận thức:* Một số cán bộ, chuyên viên chưa thực sự coi việc soạn thảo, ban hành văn bản QPPL là nhiệm vụ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước của Bộ, vì vậy chưa đầu tư thích đáng thời gian, công sức cho việc này. Trong quá trình soạn thảo, còn có hiện tượng quá chú trọng sao cho văn bản được ban hành mà chưa quan tâm đúng mức tới chất lượng và tính hiệu quả của văn bản.

b) *Về tổ chức xây dựng văn bản*

- Chưa có dự kiến về chương trình soạn thảo, ban hành văn bản QPPL dài hạn của Bộ. Việc xây dựng kế hoạch soạn thảo, ban hành văn bản hàng năm còn nặng tính hành chính và chủ quan. Việc đề xuất soạn thảo văn bản của các đơn vị chưa qua công đoạn thẩm định có tính chuyên môn, có khi kế hoạch năm của đơn vị chưa xác định rõ loại văn bản và thẩm quyền ban hành. Chưa có sự định hướng tư tưởng cho việc xây dựng văn bản nên có văn bản soạn thảo đến vài chục lần mà vẫn lúng túng về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- Việc thực hiện quy trình soạn thảo còn chưa đầy đủ (chưa chú ý thích đáng đến việc tổng kết thực tiễn, tập hợp nghiên cứu các văn bản liên quan cũng như thực hiện quy trình thẩm định, trình kí, nhất là đối với các văn bản liên tịch). Tổ chức soạn thảo có khi chỉ là 1-2 chuyên viên. Việc tiếp thu ý kiến góp ý có lúc còn thể hiện tính chủ quan, cục bộ.

- Mỗi quan hệ với các bộ, ngành liên quan có khi thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao.

c) *Về tổ chức, cán bộ*

Vụ Pháp chế và hệ thống pháp chế trong ngành mới được thành lập và kiện toàn. Nhiều ban soạn thảo các dự thảo văn bản hoạt động không đều tay (tuy có thành lập ban song hầu như công việc chỉ tập trung ở bộ phận thường trực soạn thảo văn bản). Lực lượng cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản còn thiếu và yếu. Vụ Pháp chế mới có 9/15 cán bộ theo định mức biên chế, kinh nghiệm trong công tác và sự hiểu biết về lĩnh vực giáo dục còn hạn chế; số cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản ở các đơn vị tuy có kinh nghiệm về công tác giáo dục song hầu hết chưa được bồi dưỡng cơ bản về pháp luật, kỹ năng soạn thảo nhìn chung còn hạn chế (trong số 105 cán bộ nêu trên, hầu như chưa có ai tốt nghiệp đại học luật hoặc được bồi dưỡng cơ bản về luật). Nhìn chung, số chuyên gia soạn thảo văn bản của Bộ rất ít.

d) *Về thể chế:* Quy định về soạn thảo, ban hành văn bản của các cơ quan cấp trên còn có

điểm chưa cụ thể. Quy định về soạn thảo, ban hành văn bản của Bộ chậm được sửa đổi, bổ sung, vì vậy quá trình soạn thảo, ban hành văn bản gặp không ít khó khăn cả về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kinh phí và thời gian. Quy định về kinh phí cho công tác soạn thảo chưa đầy đủ. Chưa có cơ chế huy động đồng đảo các nhà khoa học tham gia vào việc xây dựng văn bản. Chưa có quy định cụ thể cơ chế kiểm soát việc thực hiện chương trình cũng như việc xử lý các vi phạm trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản.

đ) *Về thời gian và kinh phí:* Một số văn bản phải soạn thảo rất gấp do tình thế đòi hỏi. Khi tiến hành soạn thảo, nhiều khi chưa cân đối thời gian hợp lý cho việc xin ý kiến của các cơ quan, tổ chức nên việc góp ý nhiều khi còn chiếu lệ, chất lượng không cao. Cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản của các đơn vị thường đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ thường xuyên khác nên chưa dành nhiều thời gian nghiên cứu giải quyết những vướng mắc khi soạn thảo.

Kinh phí soạn thảo chưa được bố trí thành mục riêng, chưa được quy định cụ thể nên có văn bản được chi nhiều, có văn bản được chi ít, có văn bản không được chi. Nhiều việc rất cần thiết như tổng kết thực tiễn, biên dịch tài liệu, lấy ý kiến của các nhà khoa học ... chưa được thực hiện tốt vì thiếu kinh phí.

e) *Về sự phối hợp:* Hiện nay, Bộ đang trong quá trình cải cách hành chính, cải tiến lề lối làm việc nên trong phân công và phối hợp còn có sự bất hợp lý, sự phối hợp chưa đồng bộ nên chưa đạt được kết quả như mong muốn dẫn đến quá trình soạn thảo chậm, không lấy được nhiều ý kiến các cơ quan, đối tượng liên quan, nhiều trường hợp văn bản phải làm đi làm lại nhiều lần.

Bên cạnh các nguyên nhân trực tiếp trên đây còn một số nguyên nhân quan trọng khác như: chưa chú trọng nghiên cứu khoa học pháp lý phục vụ cho việc soạn thảo, ban hành văn bản; chưa cập nhật được hệ cơ sở dữ liệu làm căn cứ phục vụ cho việc xây dựng văn bản; việc kiểm tra, rà soát văn bản chưa được tập trung đúng mức góp phần vào việc xây dựng kế hoạch, bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống cũng như chất lượng từng văn bản.

III. Phương hướng và giải pháp cơ bản

Nghị quyết của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đã nêu rõ nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện pháp luật về GD-ĐT là "thể chế hoá quan điểm coi GD-ĐT là quốc sách hàng đầu, thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá giáo dục,



xây dựng xã hội học tập, nâng cao chất lượng giáo dục, xác định rõ sự thống nhất quản lý nhà nước về giáo dục, đồng thời tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường, của cơ sở giáo dục; tạo sự bình đẳng, khuyến khích cạnh tranh lành mạnh giữa các loại hình đào tạo công lập và ngoài công lập". Để thực hiện được định hướng quan trọng này, đồng thời để nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ, cần tiến hành đồng bộ một số nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

1. Nhiệm vụ chung

a) Xác định rõ khung pháp luật cần thiết để điều chỉnh các quan hệ xã hội về giáo dục trên cơ sở thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng nhất là trong điều kiện triển khai Luật Giáo dục năm 2005 và thực hiện quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục. Chú ý nâng cao chất lượng của từng văn bản đi đôi với nâng cao chất lượng và tính hoàn thiện của cả hệ thống văn bản QPPL về giáo dục;

b) Tăng cường các điều kiện đảm bảo cho công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế cho công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL trong đó thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của các chủ thể, mối quan hệ trong từng khâu công việc cũng như cơ chế kiểm soát quá trình soạn thảo, ban hành văn bản;

- Kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL cả về số lượng và chất lượng;

- Xây dựng cơ chế và huy động kinh phí đáp ứng yêu cầu của công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL;

- Tăng cường nghiên cứu khoa học và sử dụng phương tiện hiện đại để cung cấp luận chứng và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL;

c) Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản.

2. Giải pháp cơ bản

a) Xây dựng Dự kiến chương trình soạn thảo, ban hành văn bản QPPL dài hạn và hàng năm.

Cần sớm xây dựng Dự kiến chương trình soạn thảo văn bản QPPL về giáo dục giai đoạn 2006-2010 có tầm nhìn đến 2015. Chương trình này phải thể hiện rõ kết cấu của hệ thống văn bản QPPL điều chỉnh các quan hệ về giáo dục, hình thức văn bản, thứ tự ưu tiên, trong đó chú ý việc ban hành các văn bản có hiệu lực pháp lý

cao theo hướng quy định cụ thể, hạn chế các văn bản hướng dẫn.

Trên cơ sở chương trình dài hạn và đòi hỏi của tình hình thực tiễn để xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm, trong đó xác định rõ tên, loại văn bản, lãnh đạo phụ trách, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian hoàn thành.

Chương trình dài hạn và kế hoạch hàng năm phải được phân biện khoa học, trong đó mỗi văn bản dự kiến soạn thảo phải nêu rõ sự cần thiết, phạm vi và đối tượng điều chỉnh, nội dung chính, thời gian và kinh phí thực hiện, dự báo tác động của văn bản ... trước khi công bố thực hiện.

b) Tổ chức rà soát hệ thống văn bản QPPL về giáo dục

Định kì tổ chức rà soát hệ thống văn bản QPPL về giáo dục trên cơ sở đó hệ thống hoá các văn bản theo từng lĩnh vực cụ thể như quy định về hệ thống giáo dục và tổ chức, hoạt động của nhà trường; về nội dung, chương trình giáo dục; về tổ chức quá trình giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục; về nhà giáo và cán bộ quản lí; về hợp tác quốc tế; về thanh tra, kiểm tra, xử lí vi phạm; về đầu tư và tài chính; về xã hội hoá; về phân cấp quản lí... Kết quả rà soát, hệ thống hoá văn bản là căn cứ quan trọng để dự kiến chương trình xây dựng pháp luật của Bộ

Cần chú ý thích đáng đến việc rà soát, kiểm tra các văn bản hành chính có chứa quy phạm pháp luật để xử lí theo quy định tại Nghị định số 161/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Kiện toàn tổ chức và cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống pháp chế từ Bộ xuống các sở GD-ĐT, các đơn vị trực thuộc theo tinh thần Chỉ thị số 40/2004/CT-BGD&ĐT ngày 21/12/2004 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong ngành giáo dục; bố trí cán bộ phụ trách công tác pháp chế ở các đơn vị thuộc Bộ, các sở giáo dục và đào tạo, các trường, các đơn vị trực thuộc Bộ theo Nghị định số 122/2004/NĐ-CP ngày 18/5/2004 và Công văn số 3450/PC ngày 05/5/2005 của Bộ;

- Tăng cường số lượng cán bộ của Vụ Pháp chế lên 15 người, số cán bộ có khả năng chủ trì việc soạn thảo văn bản của cơ quan Bộ khoảng 150 người.

- Lựa chọn cán bộ có trình độ, có khả năng

gửi đi đào tạo cơ bản về lý luận và kỹ năng phân tích chính sách, kỹ năng soạn thảo văn bản ở trong và ngoài nước (mỗi năm 2-3 người).

- Mỗi năm mở 1-2 lớp bồi dưỡng, nâng cao năng lực soạn thảo văn bản cho 30-40 cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản ở các đơn vị thuộc Bộ;

- Thường xuyên tổ chức tập huấn kỹ năng soạn thảo văn bản để cập nhật thông tin cho cán bộ soạn thảo văn bản ở các đơn vị thuộc Bộ.

d) Hoàn thiện thể chế cho công tác soạn thảo, ban hành văn bản của Bộ

Để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thực tiễn, Bộ trưởng vừa ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định, ban hành, kiểm tra, xử lý văn bản QPPL của Bộ GD-ĐT thay thế Quyết định số 4235/1997/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/12/1997. Tuy vậy, do một số văn bản của cấp trên cũng chưa thật rõ ràng nên Quy chế vẫn cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện thêm (ví dụ như quy định chi tiết quy trình lập dự kiến; trách nhiệm pháp lý của các chủ thể soạn thảo văn bản; cơ chế huy động các nhà khoa học, nhà quản lý tham gia trực tiếp vào việc soạn thảo văn bản; cơ chế thẩm định, phản biện khoa học cho việc lập chương trình cũng như chất lượng từng văn bản;....)

Bên cạnh đó cần khẩn trương sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước của Bộ và Quy định về lề lối làm việc của cơ quan Bộ GD-ĐT.

e) Xây dựng kế hoạch kinh phí phục vụ cho việc nâng cao chất lượng soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ

Kinh phí phục vụ cho việc nâng cao chất lượng soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ cần được xây dựng thành kế hoạch bao gồm kinh phí rà soát, hệ thống hoá các văn bản hiện hành; nghiên cứu thực tiễn trong và ngoài nước; tổ chức soạn thảo một số dự án luật về giáo dục; rà soát và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác soạn thảo văn bản; xây dựng thể chế cho công tác soạn thảo, ban hành văn bản...

Kinh phí xây dựng văn bản hàng năm được ghi thành mục riêng trên cơ sở kế hoạch xây dựng từng văn bản cụ thể. Kinh phí cần huy động từ nhiều nguồn như kinh phí quản lý nhà nước, các chương trình mục tiêu, các dự án trong và ngoài nước...Việc lập các dự án chuyên môn khác phải chú ý dành kinh phí cho việc xây dựng thể chế cụ thể ở từng lĩnh vực.

g) *Nghiên cứu khoa học và xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác soạn thảo, ban hành*

văn bản QPPL của Bộ

Tiến hành thực hiện một số đề tài nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc lập dự kiến chương trình soạn thảo, ban hành văn bản, một số dự án, dự thảo cụ thể cũng như một số vấn đề có tính lý luận phục vụ cho việc nâng cao chất lượng soạn thảo, ban hành văn bản.

Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu văn bản QPPL về giáo dục; các điều ước quốc tế liên quan đến giáo dục mà Việt Nam kí kết hoặc gia nhập; một số đạo luật giáo dục của nước ngoài và quy định của các tổ chức quốc tế liên quan đến giáo dục làm căn cứ cho việc soạn thảo, ban hành văn bản. Xây dựng phần mềm quản lý quy trình, theo dõi quá trình soạn thảo văn bản; đưa lên mạng các mẫu biểu thống nhất trong toàn ngành; tổ chức lấy ý kiến góp ý của đồng đảo các đối tượng chịu sự tác động của văn bản trên website của Bộ.

h) Tăng cường mối quan hệ phối hợp với các bộ ngành liên quan

Bên cạnh việc thực hiện trách nhiệm của Bộ theo Nghị định số 144/2005/NĐ-CP ngày 16/11/2005 và Nghị định số 161/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ, các đơn vị chủ trì soạn thảo cần chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các uỷ ban của Quốc hội và các bộ, ngành liên quan ngay từ khâu xây dựng chương trình, soạn thảo, thẩm định, thông qua để nâng cao chất lượng, bảo đảm thời gian ban hành văn bản.

IV. Kết luận

Công tác soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ GD-ĐT là loại công việc mang tính pháp lý, tính chuyên môn cao và liên quan đến nhiều chủ thể khác nhau. Để nâng cao chất lượng soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của Bộ, chúng ta cần tiến hành một cách đồng bộ các giải pháp trên đây. Phải coi công tác này là công tác ưu tiên số một trong quản lý nhà nước của Bộ. Có như vậy chúng ta mới hy vọng hình thành được khung pháp lý đủ mạnh để điều chỉnh các quan hệ xã hội về giáo dục trong khoảng 5-10 năm tới, đồng thời cũng có điều kiện kịp thời sửa đổi, bổ sung các quy định cụ thể khi có sự thay đổi của tình hình.

SUMMARY

The article presents the status quo of and solutions to improve, the quality of legal documents developed and issued by the Ministry of Education and Training.